



Máy in công nghiệp

Dòng ZX1200i/ ZX1300i/ ZX1600i



Máy in mã vạch công nghiệp công suất lớn thế hệ tiếp theo của chúng tôi

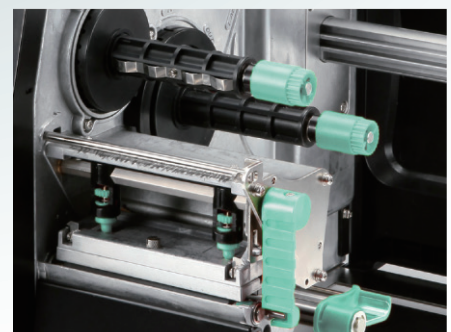
Các giao diện tiêu chuẩn khác nhau tạo điều kiện tích hợp vào một số môi trường. Thiết kế thép nhỏ gọn và mạnh mẽ sẽ đáp ứng hầu hết các ứng dụng đòi hỏi khắt khe nhất của bạn



- Màn hình LCD cảm ứng trực quan lớn cho phép người dùng có khả năng kiểm soát



- Ba cổng USB tiêu chuẩn cho phép kết nối với một số thiết bị



- Máy in hiệu suất cao được thiết kế cho các ứng dụng khối lượng lớn
- Tốc độ in lên tới 10 ips.
- Phần cứng mới lý tưởng cho cả các ứng dụng in chính xác hoặc khối lượng lớn"

GoDEX


TAIWAN
EXCELLENCE 2014

Specification

Dòng ZX1200i / ZX1300i / ZX1600i

Model		ZX1200i	ZX1300i	ZX1600i
Phương pháp in		Truyền nhiệt / Nhiệt trực tiếp		
Độ phân giải		203 dpi (8 chấm / mm)	300 dpi (12 chấm / mm)	600 dpi (24 chấm / mm)
Tốc độ in		Up to 10 IPS (254 mm/s)	Up to 7 IPS (177 mm/s)	Up to 4 IPS (101,6mm/s)
Chiều rộng bản in		4,09" (104 mm, up to 108mm)	4,09" (104 mm, up to 105,7mm)	4,09" (104 mm, up to 105,6mm)
Độ dài bản in		Tối thiểu. 0,16 "(4 mm) **; Tối đa 180 "(4572 mm)	Tối thiểu. 0,16 "(4 mm) **; Tối đa 85 "(2159 mm)	Tối thiểu. 0,16 "(4 mm) **; Tối đa 26 "(660 mm)
Bộ vi xử lý		32 Bit RISC CPU		
Bộ nhớ	Flash	128 MB Flash (60 MB sử dụng lưu trữ)		
	SDRAM	32MB		
Loại cảm biến		Cảm biến phản xạ có thể điều chỉnh Cảm biến khoảng cách cố định , căn lề trái		
Decal mã vạch	Các loại:	Dạng liên tục, nhãn khoảng cách, cảm biến dấu đen và đục lỗ, chiều dài nhãn được đặt bằng cảm biến tự động hoặc lập trình		
	Chiều rộng	Tiêu chuẩn : 1" (25.4 mm) Min. – 4,64" (118 mm) Max. Dao cắt : 4,61" (117 mm) Max. Bóc nhãn tự động : 4,64" (118 mm) Max.		
	Độ dày	0,003" (0,076 mm) Min. - 0,01" (0,25 mm) Max.**		
	Đường kính cuộn decal	Max. 8" (203,2 mm)		
Ruy băng mực	Đường kính lõi	1,5" (38,1 mm) , 3" (76,2 mm)		
	Các loại	Wax, wax/resin, resin		
	Đường kính cuộn băng	3" (76.2 mm)		
	Đường kính lõi	1" (25,4 mm)		
	Chiều dài	1471' (450 m)		
Ngôn ngữ máy in	Chiều rộng	1,18" Min. - 4,33" (30 mm - 110 mm) Max.		
		Tự động chuyển ngôn ngữ EZPL, GEPL, GZPL		
Phần mềm	Phần mềm thiết kế nhãn	GoLabel (chỉ dành cho máy có ngôn ngữ EZPL)		
	Driver	Windows 2000, XP, Vista, Win 7, 8, 8.1, 10; Windows Server 2008, 2008 R2, 2012, 2012 R2, 2016, 2019; MAC, Linux		
	DLL	Win CE , .NET , Windows Mobile, Windows 2000 / XP / VISTA / Windows 7 / Windows 8.1 / Android / Windows 10		
Phông chữ tích hợp	Phông Bitmap	6, 8, 10, 12, 14, 18, 24, 30, 16X26 and OCR A & B Phông chữ bitmap có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270° Phông chữ bitmap có thể mở rộng 8 lần theo hướng ngang và dọc Phông TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0 °, 90 °, 180 °, 270 °		
	Phông TTF			
Phông chữ tải xuống	Phông Bitmap	Có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°, các ký tự đơn có thể xoay 0°, 90°, 180°, 270°		
	Phông Asian	0°, 90°, 180°, 270° rotatable and 8 times expandable in horizontal and vertical directions		
	Phông TTF	Phông TTF (In đậm / in nghiêng / gạch chân). Xoay 0 °, 90 °, 180 °, 270 °		
Mã vạch	Mã vạch 1D	Code 39, Code 93, EAN-8, EAN-13, EAN 8/13 (with 2 & 5 digits extension), UPC-A, UPC-E, UPC-A and UPC-E with EAN 2 or 5 digit extension, Interleaved 2-of-5 (I 2 of 5), Interleaved 2- of 5 with Shipping Bearer Bars, Codabar, Code 128 (subset A, B, C), EAN 128, RPS 128, UCC 128, UCC/EAN-128 K-Mart, Random Weight, Postnet, ITF 14, China Postal Code, HIBC, MSI, Plessey, Telepen, FIM, GS1 DataBar, German Post Code, Planet 11 & 13 digit, Japanese Postnet, Standard 2 of 5, Industrial 2 of 5 , Logmars, Code 11, ISBT -128, Code 32		
	Mã vạch 2D	PDF417, Datamatrix code, MaxiCode, QR code, Micro PDF417, Micro QR code and Aztec code, Code 49, Codablock F , TLC 39		
Bộ mã		CODEPAGE 437, 850, 851, 852, 855, 857, 860, 861, 862, 863, 865, 866, 869, 737 WINDOWS 1250, 1251, 1252, 1253, 1254, 1255, 1257 Unicode UTF8 \ UTF16BE \ UTF16LE		
Đồ họa		Các loại tệp đồ họa tích hợp là BMP và PCX, các định dạng đồ họa khác có thể tải xuống từ phần mềm		
Cổng kết nối		Serial port: RS-232 (DB-9) USB Device port (B-Type) 3 cổng USB Host (Loại A). 2 cổng ở bảng điều khiển phía trước, 1 cổng ở bảng điều khiển phía sau IEEE 802.3 10/100Base-Tx Ethernet print server (RJ-45)		
Bảng điều khiển		Màn hình cảm ứng màu LCD 3,2" 1 Nút bật / tắt nguồn 1 Phím điều khiển: FEED / PAUSE / CANCEL với đèn nền LED hai màu: Sẵn sàng (Xanh lục); Lỗi (Đỏ) 1 Nút điều khiển		
Điện năng yêu cầu		Tự động chuyển 100-240VAC, 50-60Hz		
Đồng hồ thời gian thực		Tiêu chuẩn		
Môi trường	Nhiệt độ hoạt động	41°F to 104°F (5°C to 40°C)		
	Nhiệt độ bảo quản	-4°F to 122°F (-20°C to 50°C)		
Độ ẩm	Hoạt động	20-85%, không ngưng tụ		
	Bảo quản	10-90%, không ngưng tụ		
Chứng nhận		CE(EMC), FCC Class A, CB, cUL, CCC, KC		
Kích thước	Chiều dài	18.30" (465mm)		
	Chiều cao	12.13" (308.20mm)		
	Chiều rộng	10.65" (270.71mm)		
Khối lượng		30 lbs (13,6Kg), Không bao gồm vật tư tiêu hao		
Tùy chọn thêm		Dao cắt tự động		
		Hỗ trợ cổng kết nối Parallel (Centronic female 36-pin)		
		Chức năng Bluetooth		
		Wireless LAN (IEEE 802.11 b/g/n)		
		Bảng điều khiển để kết nối máy in với bộ dán nhãn tự động (DSUB female 15-pin)		
		Máy cuộn decal tự động Bóc nhãn tự động + Cuộn để decal sau khi đã bóc thải ra		

** Thông số kỹ thuật có thể được thay đổi mà không cần thông báo. Tất cả các tên công ty và/hoặc tên sản phẩm đều là nhãn hiệu và/hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của chủ sở hữu tương ứng.

Việc tuân thủ thông số về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa có thể phụ thuộc vào sự khác nhau về chất liệu không tiêu chuẩn như: loại nhãn, độ dày, khoảng cách, cấu trúc lót, v.v. GoDEX vui lòng kiểm tra các chất liệu không tiêu chuẩn về chiều cao in tối thiểu và tốc độ in tối đa.